

Overall length	Thread length	Shank dia.	Size of square	Length of square
L	ℓ	Ds	K	ℓk

- JIS
- ① Spiral Fluted Taps
(for blind hole)
- ② Spiral Fluted Taps
(for through hole)
- ③ Spiral Pointed Taps
(for through hole)
- ④ Hand Taps
- ⑤ Cemented Carbide Taps
- ⑥ Roll Taps
- ⑦ Special Thread Taps
Simple Inspection Tools
- ⑧ Pipe Taps
- ⑨ Thread Mills
- ⑩ Dies
- ⑪ Center Drills
Centering Tools
- JIS
- ⑧-65



LS-PF

Mũi Taro Cán Dài Dòng Hand Tap Dành Cho Ren Ống Song Song
(Long Shank Hand Taps for Parallel Pipe Threads)



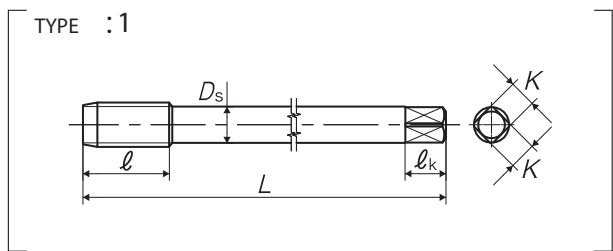
Thông Số Kỹ Thuật



Khuyến nghị tốc độ cắt gọt dựa trên vật liệu gia công

Thép Các Bon Trung Bình (Medium carbon steels) 低炭素鋼	Thép Các Bon Cao (High carbon steels) 中炭素鋼	Thép Hợp Kim (Alloy steels) 高炭素鋼
5~10 (m/min)	5~10 (m/min)	5~10 (m/min)

■ LS-PF là mũi taro hand tap cán dài dành cho ren ống song song và được sử dụng để taro các sản phẩm có mục đích chính là kết nối các chi tiết cơ khí giống như bộ phận đường ống. Ren trong PF là được sử dụng để gắn vừa với ren ngoài PF.



Segment : 1G

Size	Class	Code	Chamfer	Basic major dia (mm)	L (mm)	ℓ (mm)	Ds (mm)	K (mm)	ℓk (mm)	No. of flutes	TYPE	MSRP
Dành Cho Ren Ống (Pipe Threads)												
PF 1/8-28	II	L10F02K	3.5P	9.728	100	19	8	6	9	4	1	¥ 4,720
PF 1/8-28	II	L15F02K	3.5P	9.728	150	19	8	6	9	4	1	¥ 8,480
PF 1/8-28	II	L20F02K	3.5P	9.728	200	19	8	6	9	4	1	¥ 12,100
PF 1/4-19	II	L10F04-	3.5P	13.157	100	28	11	9	12	4	1	¥ 6,340
PF 1/4-19	II	L15F04-	3.5P	13.157	150	28	11	9	12	4	1	¥ 8,690
PF 1/4-19	II	L20F04-	3.5P	13.157	200	28	11	9	12	4	1	¥ 12,400
PF 3/8-19	II	L10F06-	3.5P	16.662	100	28	14	11	14	4	1	¥ 8,150
PF 3/8-19	II	L15F06-	3.5P	16.662	150	28	14	11	14	4	1	¥ 14,600
PF 3/8-19	II	L20F06-	3.5P	16.662	200	28	14	11	14	4	1	¥ 20,600
PF 1/2-14	II	L15F08Q	3.5P	20.955	150	35	18	14	17	4	1	¥ 18,000
PF 1/2-14	II	L20F08Q	3.5P	20.955	200	35	18	14	17	4	1	¥ 25,100
PF 3/4-14	II	L15F12Q	3.5P	26.441	150	35	23	17	20	4	1	¥ 27,500
PF 3/4-14	II	L20F12Q	3.5P	26.441	200	35	23	17	20	4	1	¥ 33,300
PF 1 -11	II	L15F16U	3.5P	33.249	150	45	26	21	24	4	1	¥ 40,200
PF 1 -11	II	L20F16U	3.5P	33.249	200	45	26	21	24	4	1	¥ 46,700
PF 1 1/4-11	II	L20F20U	3.5P	41.910	200	45	32	26	30	4	1	¥ 73,100
PF 1 1/2-11	II	L20F24U	3.5P	47.803	200	45	38	29	32	6	1	¥ 91,800
PF 2 -11	II	L20F32U	3.5P	59.614	200	50	46	35	38	6	1	¥ 136,000